

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 104/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 15 – 6 – 2023

V/v tranh chấp về hôn nhân và gia
đình ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bạch Phiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Ngô Văn Khon;
- Bà Võ Thị Tuyết Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Thanh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhân – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2023 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lương Thị V, sinh năm 1996. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh An Giang. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Văn H, sinh năm 1995. Địa chỉ: Số nhà E, ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt lần thứ hai, không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lương Thị V trình bày:*

Chị Lương Thị V và anh Lê Văn H chung sống với nhau có tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán tại địa phương vào năm 2014, có đăng ký kết hôn ngày 18/3/2016, tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh An Giang. Trước khi tổ chức đám cưới, anh chị có quen biết trước, tìm hiểu nhau khoảng 01 năm. Việc anh chị kết hôn là tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối kết hôn.

Thời gian đầu sau khi đám cưới, chị V và anh H chung sống hạnh phúc. Từ năm 2018 đến năm 2019, thì anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn do anh H không chịu đi làm để có tiền lo cho gia đình, nói với chị V đi xin việc làm, nhưng không thấy anh H xin vô công ty nào làm hết, vợ chồng sống chung với nhau chỉ có một mình chị V đi làm kiếm tiền, anh H không chịu đi làm mà thường xuyên đi chơi về khuya, sử dụng ma túy đá, vợ chồng thường xuyên cự cãi, khi vợ chồng cự cãi anh H đánh chị V 04 đến 05 lần, 01 lần đập xe của chị V, chị khuyên nhiều lần không được. Tháng 03 năm 2019, chị V nhận thấy không thể sống chung với anh H nữa, nên vợ chồng ly thân, chị về nhà cha mẹ ruột tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh An Giang sinh sống, vợ chồng không còn chung sống với nhau. Từ khi ly thân đến nay, vợ chồng không có liên lạc, hàn gắn đoàn tụ. Hiện nay, chị V không còn tình cảm vợ chồng với anh H.

Chị V và anh H có 01 con chung tên Lê Hoàng Đăng K, sinh ngày 17/02/2016. Hiện nay cháu đang sống với anh H tại số nhà E, ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Lương Thị V yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Chị Lương Thị V yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn H.
- Về con chung: Chị Lương Thị V thống nhất giao cháu Lê Hoàng Đăng K, sinh ngày 17/02/2016 cho anh Lê Văn H được quyền trực tiếp nuôi con. Chị V không cấp dưỡng nuôi con do anh H không yêu cầu.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không có; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Văn H không có ý kiến trình bày.*

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, cần phê phán rút kinh nghiệm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị V: Cho chị Lương Thị V được ly hôn với anh Lê Văn H; Giao cháu Lê Hoàng Đăng K, sinh ngày 17/02/2016 cho anh Lê Văn H được quyền nuôi dưỡng đến khi cháu thành niên; Chị Lương Thị V không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh H không yêu cầu; Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

** Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:* Đơn khởi kiện ngày 15/02/2023 của chị Lương Thị V; Trích lục kết hôn giữa chị Lương Thị V và anh Lê Văn H; Giấy khai sinh của cháu Lê Hoàng Đăng K; Biên bản xác minh sự có mặt, vắng mặt của đương sự Lê Văn H tại nơi cư trú ngày 05/4/2023, Biên bản ghi nguyện vọng của con chưa thành niên và Biên bản lấy lời khai của đương sự cùng ngày 05/5/2023.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị V và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Lê Văn H cư trú tại số nhà E, ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Lương Thị V vắng mặt có đơn xin xử vắng mặt; bị đơn anh Lê Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, không rõ lý do; nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị V và anh H là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ, nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Lương Thị V và anh Lê Văn H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh An Giang vào ngày 18/3/2016. Việc anh chị kết hôn là tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối kết hôn. Việc kết hôn giữa chị Lương Thị V và anh Lê Văn H là đúng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Trong thời gian anh chị chung sống với nhau anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cãi, xảy ra hành vi bạo lực gia đình. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu ly hôn của chị V, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh H nhiều lần để hòa giải, nhưng anh H không đến Tòa án để hòa giải và trình bày ý kiến của mình. Anh chị đã không còn thương yêu, quan tâm gì đến nhau. Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; nhưng từ những phân tích trên cho thấy, trong thời gian anh chị chung sống với nhau có hành vi bạo lực gia đình, anh chị đã không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Điều này chứng minh, hôn nhân giữa chị V và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lương Thị V đối với anh Lê Văn H là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Chị Lương Thị V và anh Lê Văn H có 01 con chung tên Lê Hoàng Đăng K, sinh ngày 17/02/2016. Xét thấy, cháu K có nguyện vọng được sống với anh H1; Chị V có nguyện vọng giao cháu K cho anh H được tiếp tục nuôi

dưỡng. Vì vậy, để tránh việc thay đổi môi trường sống của cháu K, đảm bảo cho cháu được phát triển đầy đủ về mặt thể chất và tinh thần, tiếp tục giao cháu K cho anh H được quyền nuôi dưỡng đến khi cháu thành niên là phù hợp.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con:

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này anh chị có tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con, sẽ được xem xét, giải quyết trong vụ án khác.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị V cho rằng anh chị không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Anh H không có ý kiến và yêu cầu về tài sản chung và nợ chung; Nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này; Nếu sau này anh chị có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị Lương Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 69, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị V.

- Về hôn nhân: Chị Lương Thị V được ly hôn với anh Lê Văn H.

- Về con chung: Giao cháu Lê Hoàng Đăng K, sinh ngày 17/02/2016 cho anh Lê Văn H được quyền trực tiếp nuôi con.

Chị Lương Thị V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị Lương Thị V không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh Lê Văn H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị Lương Thị V.

Chị Lương Thị V không phải cấp dưỡng nuôi con, do anh Lê Văn H không yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.
- Về án phí:

Chị Lương Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001318 ngày 02/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Chị Lương Thị V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Lê Văn H không phải chịu án phí.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- Chi cục THADS huyện Thanh Bình;
- UBND xã Tà Đánh, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang (ĐKKH số 13, ngày 18/3/2016);
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Bạch Phiến